

**MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA THANH NIÊN TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI TỈNH ĐỒNG NAI**Nguyễn Ri Sing<sup>1</sup>, Lê Trọng Phương<sup>2\*</sup><sup>1</sup>Trường Đại học Hùng Vương TP.HCM, 736 Đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam<sup>2</sup>Trường Đại học Lương Thế Vinh, Đường Cầu Đông, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam\* Tác giả liên hệ: [Letrongphuong@ltvu.edu.vn](mailto:Letrongphuong@ltvu.edu.vn)**THÔNG TIN BÀI BÁO**

Ngày nhận: 03/7/2025  
Ngày hoàn thiện: 20/8/2025  
Ngày chấp nhận: 27/8/2025  
Ngày đăng: 05/9/2025

**TÓM TẮT**

Khởi nghiệp có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế và xã hội. Chúng thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới, tạo ra việc làm, phát triển kinh tế địa phương, thu hút đầu tư và cung cấp nguồn lực cho các dự án mới. Ngoài ra, khởi nghiệp còn có vai trò trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và đóng góp vào sự phát triển kinh tế tổng thể của quốc gia. Trong nghiên cứu này, phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai. Dữ liệu cho nghiên cứu được thu thập từ 347 thanh thiếu niên trên địa bàn. Kết quả cho thấy rằng 66.7% sự thay đổi của ý định khởi nghiệp chịu sự tác động của TD (Thái độ đối với hành vi), GD (Giáo dục khởi nghiệp), QC (Quy chuẩn chủ quan), TC (Đặc điểm tính cách), NV (Nguồn vốn), NT (Nhận thức kiểm soát hành vi), KN (Kinh nghiệm). Dựa vào kết quả nghiên cứu, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp để giúp thúc đẩy ý định khởi nghiệp và đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**TỪ KHÓA**

Khởi nghiệp;  
Ý định khởi nghiệp;  
Thanh niên;  
Đồng Nai.

**SOME FACTORS AFFECTING YOUTH'S STARTUP INTENTION ON E-COMMERCE PLATFORMS IN DONG NAI PROVINCE**Sing Nguyen Ri<sup>1</sup>, Phuong Le Trong<sup>2\*</sup><sup>1</sup>Hung Vuong TP.HCM University, 736 Nguyen Trai Street, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam<sup>2</sup>Luong The Vinh University, Cau Dong Street, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Viet Nam\*Corresponding Author: [Letrongphuong@ltvu.edu.vn](mailto:Letrongphuong@ltvu.edu.vn)**ARTICLE INFO**

Received: Jul 03<sup>rd</sup>, 2025  
Revised: Aug 20<sup>th</sup>, 2025  
Accepted: Aug 27<sup>th</sup>, 2025  
Published: Sep 05<sup>th</sup>, 2025

**KEYWORDS**

Entrepreneurship;  
Entrepreneurial intention;  
Youth;  
Dong Nai

**ABSTRACT**

Entrepreneurship plays a crucial role in both the economy and society. It fosters creativity and innovation, generates employment opportunities, promotes local economic development, attracts investment, and provides resources for new projects. Moreover, entrepreneurship contributes to addressing social issues and contributes to the overall economic development of a country. In this study, a quantitative research method was employed to identify factors influencing the entrepreneurial intentions of young people in e-commerce in Dong Nai province. Data was collected from 347 youth participants. The results indicate that 66.7% of the variance in entrepreneurial intentions is influenced by Attitude towards Behavior, Entrepreneurship Education, Subjective Norms, Personality Traits, Capital Availability, Perceived Behavioral Control, and Entrepreneurial Experience. Based on these findings, the study proposes several solutions to promote entrepreneurial intentions and enhance entrepreneurial activities among youth in e-commerce within Dong Nai province

## 1. Giới Thiệu

Trong bối cảnh phát triển kinh tế hiện nay, khởi nghiệp trở thành một trong những yếu tố giúp đa dạng hóa các hoạt động kinh tế và thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Các doanh nghiệp khởi nghiệp đã và đang tạo ra những động lực mới cho nền kinh tế với những hướng đi mới, những cách làm sáng tạo [1]. Thanh thiếu niên, với tinh thần năng động và sáng tạo, là lực lượng tiềm năng đóng góp đáng kể vào làn sóng khởi nghiệp này. Đặc biệt, với sự bùng nổ của công nghệ và sự phổ biến của internet, thương mại điện tử đã trở thành nền tảng quan trọng giúp thanh thiếu niên thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

Khởi nghiệp không chỉ là một hành trình kinh doanh, mà còn là quá trình xây dựng và phát triển cá nhân. Đối với thanh thiếu niên, khởi nghiệp trên nền tảng thương mại điện tử không chỉ mang lại cơ hội kinh doanh mà còn là cách thức thể hiện sự sáng tạo và khả năng thích ứng với những thay đổi của thời đại số. Tỉnh Đồng Nai, với vị trí địa lý thuận lợi và nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, là một ví dụ điển hình cho việc ứng dụng thương mại điện tử trong khởi nghiệp. Tuy nhiên, để thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, cần phải hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên tại đây.

Việc nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về động lực, thách thức và cơ hội trong lĩnh vực này. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở quan trọng giúp chính quyền, các tổ chức và doanh nghiệp xây dựng những chính sách và chương trình hỗ trợ khởi nghiệp hiệu quả, góp phần thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và phát triển kinh tế bền vững tại địa phương.

## 2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

### 2.1 Khởi nghiệp

Các quan điểm về khởi nghiệp rất đa dạng và không có một định nghĩa duy nhất. Theo MacMillan [2] khởi nghiệp là quá trình mà một cá nhân chấp nhận mọi rủi ro để thành lập doanh nghiệp mới hoặc mở cửa hàng kinh doanh nhằm mục đích tạo lợi nhuận và làm giàu. Khởi nghiệp là quá trình tạo ra một điều mới mẻ và có giá trị, bằng cách dành thời gian và nỗ lực cần thiết để đạt được sự độc lập về tài chính, đồng thời chấp nhận những rủi ro về tài chính, tinh thần và xã hội.

Trong nghiên cứu này, khởi nghiệp được hiểu là quá trình tạo dựng một công việc kinh doanh mới hoặc thành lập một doanh nghiệp mới bằng những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, nhận diện và tận dụng các cơ hội để đạt được sự hài lòng trong công việc kinh doanh của chính. Quan điểm này dễ hiểu và tương đồng với các quan điểm về khởi nghiệp trước đó.

### 2.2 Ý định khởi nghiệp

Bird [3] quan niệm ý định khởi nghiệp của một cá nhân là trạng thái tâm trí, trong đó hướng đến việc hình thành một hoạt động kinh doanh mới hay tạo lập một doanh nghiệp mới. Ý định khởi nghiệp cũng được định nghĩa là ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp [4]. Bên cạnh đó, Kuckertz và Wagner [5] khẳng định ý định khởi nghiệp bắt nguồn từ việc nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp. Zain, Akram, và Ghani [6] cho rằng ý định khởi nghiệp thường liên quan đến nội tâm, hoài bão và

cảm giác của cá nhân đối với việc “đứng trên đôi chân của mình”.

Ngoài ra, các nghiên cứu khác cũng đưa ra một khái niệm súc tích và gần gũi hơn về ý định khởi nghiệp, trong đó ý định khởi nghiệp là trạng thái của tâm trí trong việc sẵn sàng thực hiện tự kinh doanh, tự tạo việc làm hoặc thành lập doanh nghiệp mới.

### 2.2 Thương mại điện tử

Thương mại điện tử là hình thức kinh doanh, mua bán hàng hóa và dịch vụ thông qua các phương tiện điện tử, chủ yếu là qua mạng Internet. Đây là một lĩnh vực phát triển nhanh chóng và mang lại nhiều lợi ích cũng như thách thức cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Đặc điểm của thương mại điện tử: Thương mại điện tử không yêu cầu sự hiện diện vật lý của cửa hàng hay sản phẩm, cho phép các giao dịch diễn ra qua mạng Internet; Các cửa hàng trực tuyến có thể hoạt động 24/7 mà không bị giới hạn bởi thời gian và địa điểm; tiết kiệm chi phí; Doanh nghiệp có thể tiếp cận một lượng lớn khách hàng tiềm năng mà không cần mở nhiều chi nhánh; Khách hàng có thể mua sắm mọi lúc, mọi nơi chỉ với một thiết bị kết nối Internet; Dễ dàng so sánh giá cả, sản phẩm và dịch vụ từ nhiều nhà cung cấp khác nhau; Thương mại điện tử cho phép doanh nghiệp tương tác trực tiếp với khách hàng thông qua các kênh truyền thông trực tuyến, email, chat và các phương tiện truyền thông xã hội; Ngoài ra còn có các đặc điểm khác như tối ưu hóa quy trình kinh doanh và quản lý dữ liệu, đa dạng hình thức thanh toán, an ninh và bảo mật thông tin.

Thương mại điện tử đã và đang thay đổi cách thức kinh doanh truyền thống, mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức. Doanh nghiệp cần nắm bắt các đặc điểm và xu hướng của thương mại điện tử để tận dụng tối đa lợi ích và phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh hiện đại.

### 2.3 Các nghiên cứu trước đây

Các nghiên cứu liên quan đến ý định khởi nghiệp của thanh niên đã được quan tâm và tiến hành với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên. Những nghiên cứu này tập trung vào những khía cạnh khác nhau và đưa ra những phân tích và kết quả riêng biệt, cụ thể như sau:

Nghiên cứu của Mat và cộng sự [7] đã thực hiện nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành kỹ thuật. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 04 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp, bao gồm: Nhận thức kiểm soát hành vi, Nhu cầu thành đạt, Chuẩn chủ quan, Hỗ trợ khởi nghiệp.

Võ Văn Hiền, Lê Hoàng Văn Trang [8] đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang và chỉ ra rằng có năm nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp, gồm: đặc điểm tính cách, giáo dục khởi nghiệp, kinh nghiệm, nhận thức kiểm soát hành vi và quy chuẩn chủ quan.

Phạm Đức Hiền và cộng sự [9] đã thực hiện nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội, kết quả cho thấy 3 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, gồm: Thái độ khởi nghiệp, Chuẩn chủ quan, Giáo dục khởi nghiệp.

Vũ Quỳnh Nam, Nguyễn Quang Hợp [10] đã nghiên cứu ý định khởi nghiệp của thanh niên vùng Đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi tại tỉnh Hà Giang, tác giả đã chỉ ra

yếu tố văn hoá; nguồn vốn; thái độ, quan điểm đối với khởi nghiệp; nhận thức kiểm soát hành vi; giáo dục khởi sự kinh doanh; kinh nghiệm khởi sự kinh doanh; thể chế; các yếu tố tính cách cá nhân có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên.

Nguyễn Ngọc Dương [11] đã thực hiện nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của thanh niên tại một số làng nghề cùng nông thôn Hà Nội và kết quả chỉ ra rằng: Thái độ, Nguồn vốn, Kiến thức và kinh nghiệm, Ảnh hưởng từ gia đình, bạn bè có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh niên làng nghề.

Đỗ Thu Hương và cộng sự [12] đã xây dựng mô hình nghiên cứu ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học dựa trên nền tảng thương mại điện tử, kết quả đã đề xuất mô hình nghiên cứu 6 nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên dựa trên nền tảng TMĐT gồm: Đặc điểm tính cách sinh viên; Thái độ với hành vi khởi nghiệp; Nhận thức kiểm soát hành vi; Chuẩn chủ quan; Môi trường giáo dục; Nguồn vốn,

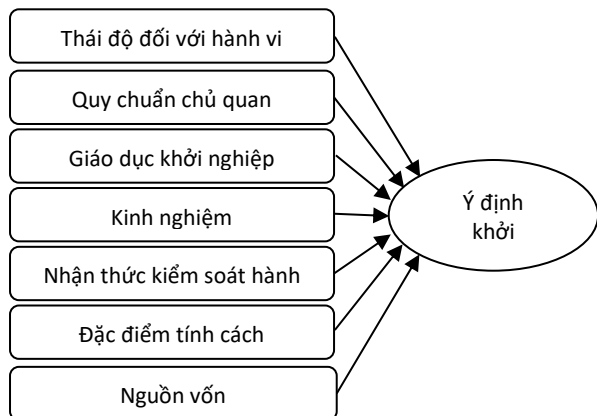
Trần Yên Hào và cộng sự [13] đã phân tích các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nghiên cứu đã chỉ ra 3 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên gồm tính khả thi, mức độ mong muốn, định hướng khởi nghiệp.

Nguyễn Thị Tuyết Anh và cộng sự [14] đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp trực tiếp của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu đã xác định được 4 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp trực tuyến của sinh viên gồm nguồn vốn, giáo dục khởi nghiệp, nhận thức tính hữu dụng và tính đổi mới trong công nghệ.

Những nghiên cứu trên đã cung cấp cái nhìn đa dạng về khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp và các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp được đề cập chủ yếu là môi trường giáo dục, đặc điểm tính cách, kinh nghiệm, nhận thức hành vi, quy chuẩn chủ quan,... Đây cũng chính là cơ sở để tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu.

#### 2.4 Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nghiên cứu đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai dựa trên sự kế thừa các lý thuyết nền tảng và các nghiên cứu trước đây.



(Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của nhóm tác giả)

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất.**

Thái độ đối với hành vi được định nghĩa là mức độ mà một cá nhân có cảm nhận tích cực hay tiêu cực về việc thực hiện một hành vi cụ thể. Thái độ này phản ánh sự đánh giá của cá nhân về hành vi dựa trên niềm tin và giá

trị cá nhân của họ. Thái độ đối với hành vi có tác động mạnh mẽ đến ý định khởi nghiệp của cá nhân. Thái độ tích cực không chỉ thúc đẩy động lực và cam kết của cá nhân mà còn giúp họ vượt qua những rào cản tâm lý và thực tế trong quá trình khởi nghiệp. Hiểu rõ vai trò của thái độ đối với hành vi là yếu tố quan trọng giúp các nhà quản lý, giáo dục và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp xây dựng các chương trình và chính sách khuyến khích thanh thiếu niên tham gia vào hoạt động khởi nghiệp một cách hiệu quả. Theo [11, 12] Thái độ đối với hành vi có ảnh hưởng lên ý định khởi nghiệp, đây là cơ sở đưa ra giả thuyết H1.

*Giả thuyết H1: Thái độ đối với hành vi có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai.*

Quy chuẩn chủ quan là nhận thức của một cá nhân về áp lực xã hội đối với việc thực hiện hay không thực hiện một hành vi cụ thể. Nó phản ánh niềm tin của cá nhân về việc người khác quan trọng (như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp) kỳ vọng hay đánh giá hành vi đó như thế nào. Quy chuẩn chủ quan có ảnh hưởng quan trọng đến ý định khởi nghiệp của cá nhân, thông qua kỳ vọng xã hội, cảm giác trách nhiệm, và sự hỗ trợ từ người xung quanh. Hiểu rõ vai trò của quy chuẩn chủ quan giúp xây dựng môi trường khuyến khích khởi nghiệp và hỗ trợ thanh thiếu niên trong quá trình này. Trong nghiên cứu của [7], [8], [12] đã chỉ ra sự tác động của Quy chuẩn chủ quan lên ý định khởi nghiệp, đây là cơ sở đưa ra giả thuyết H2.

*Giả thuyết H2: Quy chuẩn chủ quan có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai.*

Giáo dục khởi nghiệp là quá trình trang bị cho cá nhân những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để nhận biết, đánh giá và theo đuổi các cơ hội kinh doanh. Giáo dục khởi nghiệp thường bao gồm việc giảng dạy về lập kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính, tiếp thị, kỹ năng lãnh đạo, và tư duy sáng tạo. Giáo dục khởi nghiệp có tác động mạnh mẽ đến ý định khởi nghiệp của cá nhân thông qua việc nâng cao kiến thức, kỹ năng, tư duy sáng tạo, và tự tin. Nó không chỉ trang bị cho cá nhân những công cụ cần thiết để khởi nghiệp mà còn tạo động lực và kết nối với các nguồn lực hỗ trợ, giúp cá nhân thực hiện thành công ý định khởi nghiệp của mình. Trong nghiên cứu của [9], [10], [14] đã chỉ ra sự tác động của Giáo dục khởi nghiệp lên ý định khởi nghiệp, đây là cơ sở đưa ra giả thuyết H3.

*Giả thuyết H3: Giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai.*

Kinh nghiệm là những kiến thức, kỹ năng và hiểu biết mà một cá nhân tích lũy được từ việc thực hiện các hoạt động, công việc hoặc tình huống thực tế trong quá khứ. Kinh nghiệm có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm công việc, học tập, dự án, và các hoạt động xã hội. Kinh nghiệm đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của cá nhân. Nó không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng thực tiễn, mà còn giúp nâng cao sự tự tin, khả năng ra quyết định, và xây dựng mạng lưới quan hệ hỗ trợ. Những người có kinh nghiệm thường dễ dàng nhận diện và khai thác cơ hội kinh doanh, từ đó thúc đẩy ý định khởi nghiệp và tăng khả năng thành công trong quá trình khởi nghiệp. Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng sự tác động của Kinh nghiệm lên ý định khởi nghiệp ví như nghiên cứu của [8], [11] đây là cơ sở đưa ra giả thuyết H4.

*Giả thuyết H4: Kinh nghiệm có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai.*

Nhận thức kiểm soát hành vi đề cập đến mức độ mà một cá nhân tin rằng họ có khả năng và quyền kiểm soát để thực hiện một hành vi cụ thể. Nhận thức kiểm soát hành vi phản ánh sự tự tin của cá nhân về khả năng quản lý và điều chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi đó. Nhận thức kiểm soát hành vi có tác động mạnh mẽ đến ý định khởi nghiệp của cá nhân. Khi cá nhân tin rằng họ có khả năng kiểm soát và điều chỉnh các yếu tố liên quan đến khởi nghiệp, họ sẽ tự tin hơn, lập kế hoạch hiệu quả hơn và có động lực mạnh mẽ hơn để thực hiện ý định khởi nghiệp. Điều này không chỉ giúp cá nhân giảm bớt lo lắng và bất an mà còn tăng khả năng thành công trong quá trình khởi nghiệp. Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng tác động của Nhận thức kiểm soát hành vi lên ý định khởi nghiệp ví như nghiên cứu của [12] đây là cơ sở đưa ra giả thuyết H5.

*Giả thuyết H5: Nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai.*

Đặc điểm tính cách là những đặc trưng cá nhân bền vững về mặt tâm lý, ảnh hưởng đến cách một người cảm nhận, suy nghĩ và hành động. Các đặc điểm tính cách có thể bao gồm sự hướng ngoại, cởi mở với trải nghiệm mới, sự tận tâm, tính ổn định cảm xúc và sự hòa đồng. Đặc điểm tính cách có ảnh hưởng lớn đến ý định khởi nghiệp của cá nhân. Những đặc điểm như sự tự tin, khả năng chấp nhận rủi ro, tính sáng tạo, sự kiên trì và kỹ năng xã hội tốt không chỉ thúc đẩy ý định khởi nghiệp mà còn tăng khả năng thành công trong quá trình khởi nghiệp. Hiểu rõ vai trò của đặc điểm tính cách giúp các nhà quản lý, giáo dục và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp phát triển các chương trình đào tạo và hỗ trợ phù hợp, khuyến khích và hỗ trợ thanh thiếu niên trong hành trình khởi nghiệp. Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng tác động của đặc điểm tính cách lên ý định khởi nghiệp ví như nghiên cứu của [8], [10], đây là cơ sở đưa ra giả thuyết H6.

*Giả thuyết H6: Đặc điểm tính cách có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai.*

Nguồn vốn là các tài sản tài chính mà một cá nhân hoặc doanh nghiệp có thể sử dụng để khởi nghiệp và duy trì hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn có thể bao gồm tiền mặt, các khoản vay, vốn đầu tư từ nhà đầu tư, tài sản cá nhân, và các khoản tài trợ từ các tổ chức hoặc chính phủ. Nguồn vốn có tác động rất lớn đến ý định khởi nghiệp của cá nhân. Nó không chỉ cung cấp tài chính để hiện thực hóa ý tưởng kinh doanh mà còn tăng cường sự tự tin, giảm thiểu rủi ro, và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển. Hiểu rõ vai trò của nguồn vốn giúp các nhà quản lý, chính phủ và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp xây dựng các chương trình và chính sách hỗ trợ tài chính hiệu quả, khuyến khích và hỗ trợ thanh thiếu niên trong quá trình khởi nghiệp. Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng tác động của Nguồn vốn lên ý định khởi nghiệp ví như nghiên cứu của [11], [12], đây là cơ sở đưa ra giả thuyết H7.

*Giả thuyết H7: Nguồn vốn có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai.*

Ý định khởi nghiệp là bước đầu tiên và quan trọng nhất trong quá trình khởi nghiệp. Nó đánh dấu sự bắt đầu của một cuộc hành trình kinh doanh và cũng là nền tảng để

xây dựng các kế hoạch chi tiết, thu hút nguồn lực và triển khai các hoạt động kinh doanh. Đồng thời, ý định khởi nghiệp cũng thể hiện sự sẵn sàng của cá nhân hoặc nhóm người đối mặt với rủi ro và học hỏi từ thất bại để đạt được thành công trong tương lai.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1 Xây dựng thang đo và bảng câu hỏi

Nghiên cứu tập trung nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu kế thừa các cơ sở lý thuyết và kết quả các nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả đã thiết lập mô hình gồm 7 yếu tố với 30 thang đo và 3 thang đo cho ý định khởi nghiệp.

Bảng câu hỏi được xây dựng nhằm ghi nhận sự đồng ý của các nhận định về các yếu tố của thanh thiếu niên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng trong nghiên cứu.

#### 3.2 Dữ liệu nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu đã tuân theo các hướng dẫn được đề xuất bởi Hair và cộng sự (1998) cũng như Tabachnick và Fidell (1996) theo trích dẫn Nguyễn Đình Thọ [15] để xác định kích thước mẫu phù hợp. Do đó, kích thước mẫu tối thiểu cần trong nghiên cứu này là 300 (gấp 10 lần số lượng thang đo). Để đảm bảo kích thước mẫu đủ lớn, nhóm nghiên cứu đã gửi đi 400 phiếu khảo sát, thu được 352 phiếu khảo sát có phản hồi, và sau cùng có 347 phiếu hợp lệ, đáp ứng các yêu cầu nêu trên.

Tác giả tiến hành khảo sát thanh niên có ý định khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua phương thức trực tiếp và online từ ngày 15/4/2024 đến 15/5/2024. Số liệu sau đó được nhóm tác giả tổng hợp và phân tích thông qua phần mềm SPSS.

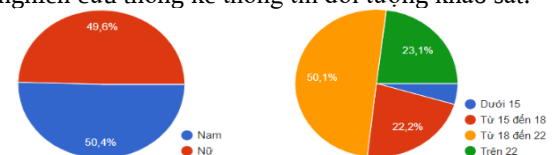
#### 3.3 Quy trình xử lý số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng thông qua việc tiến hành khảo sát các bạn thanh niên, với mục tiêu xác định các đến ý định khởi nghiệp trên nền tảng thương mại điện tử. Trước tiên, kiểm định Cronbach's Alpha được sử dụng để đánh giá tính tin cậy của các biến đo và loại bỏ các biến thang đo không tin cậy. Tiếp theo, phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để đánh giá và loại bỏ các thang đo không phù hợp hoặc trùng lặp. Qua đó, các thang đo không cần thiết hoặc trùng lặp sẽ được loại bỏ, từ đó làm sạch dữ liệu và đảm bảo tính chính xác trong việc đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Cuối cùng, để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và ước lượng giá trị biến phụ thuộc dựa trên các biến độc lập, nghiên cứu sử dụng phân tích hồi quy đa biến.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1 Kết quả thống kê đối tượng khảo sát

Sau khi thu thập thông tin từ phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu thống kê thông tin đối tượng khảo sát:



(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

**Hình 2: Kết quả thống kê giới tính, độ tuổi đối tượng khảo sát.**

Kết quả cho thấy giới tính nam, nữ của nhóm đối tượng tham gia khảo sát đồng đều nhau. Còn về độ tuổi chiếm tỷ trọng cao từ 18 tuổi trở lên, trong đó có 50.1% độ tuổi 18 đến 22, 22.2% có độ tuổi trên 22.

#### 4.2 Kiểm định Cronbach's Alpha

Kiểm định Cronbach's Alpha được nhóm nghiên cứu sử dụng. Các biến thang đo sẽ được giữ lại trong quá trình nghiên cứu khi thỏa mãn giá trị Corrected Item - Total Correlation > 0.3 và Cronbach's Alpha > 0.7.

Các biến thang đo của các yếu tố trong bảng 1 đều có Corrected Item Total Correlation > 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha > 0.7, chứng tỏ 30 biến thang đo được sử dụng làm thang đo cho 7 yếu tố là hoàn toàn phù hợp.

**Bảng 1: Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha**

|     | Thành phần (Component) |       |       |       |       |       |       |
|-----|------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|     | 1                      | 2     | 3     | 4     | 5     | 6     | 7     |
| TC4 | 0.835                  |       |       |       |       |       |       |
| TC1 | 0.813                  |       |       |       |       |       |       |
| TC5 | 0.786                  |       |       |       |       |       |       |
| TC2 | 0.781                  |       |       |       |       |       |       |
| TC3 | 0.714                  |       |       |       |       |       |       |
| NT1 |                        | 0.930 |       |       |       |       |       |
| NT4 |                        | 0.911 |       |       |       |       |       |
| NT3 |                        | 0.898 |       |       |       |       |       |
| NT2 |                        | 0.898 |       |       |       |       |       |
| KN1 |                        |       | 0.960 |       |       |       |       |
| KN2 |                        |       | 0.937 |       |       |       |       |
| KN3 |                        |       | 0.935 |       |       |       |       |
| KN5 |                        |       | 0.586 |       |       |       |       |
| KN4 |                        |       | 0.557 |       |       |       |       |
| QC3 |                        |       |       | 0.890 |       |       |       |
| QC1 |                        |       |       | 0.880 |       |       |       |
| QC4 |                        |       |       | 0.868 |       |       |       |
| QC2 |                        |       |       | 0.806 |       |       |       |
| NV2 |                        |       |       |       | 0.902 |       |       |
| NV4 |                        |       |       |       | 0.890 |       |       |
| NV1 |                        |       |       |       | 0.838 |       |       |
| NV3 |                        |       |       |       | 0.783 |       |       |
| GD4 |                        |       |       |       |       | 0.891 |       |
| GD3 |                        |       |       |       |       | 0.876 |       |
| GD1 |                        |       |       |       |       | 0.764 |       |
| GD2 |                        |       |       |       |       | 0.764 |       |
| TD1 |                        |       |       |       |       |       | 0.859 |
| TD4 |                        |       |       |       |       |       | 0.827 |
| TD3 |                        |       |       |       |       |       | 0.781 |
| TD2 |                        |       |       |       |       |       | 0.703 |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

#### 4.3 Phân tích nhân tố EFA

##### - Phân tích nhân tố EFA cho biến độc lập:

Các biến thang đo đạt yêu cầu sẽ được đưa vào phân tích nhân tố EFA, kết quả như sau:

**Bảng 2: Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's)**

|                    | Hệ số KMO |          |
|--------------------|-----------|----------|
| Kiểm định          | 0.866     |          |
| Approx. Chi-Square |           | 8724.044 |
| Bartlett's của df  |           | 435      |
| Sphericity Sig.    |           | 0.000    |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Kết quả bảng 2 cho thấy Sig. = 0.000 < 5% điều đó chứng tỏ tồn tại mối quan hệ giữa các biến với nhau. Hệ số KMO = 0.866 lớn hơn 0.5 cho thấy mức độ ý nghĩa của tập hợp dữ liệu đưa vào phân tích nhân tố rất cao, nghĩa là mô hình phân tích nhân tố hoàn toàn phù hợp.

Bảng 3, cho thấy hệ số Factor Loading đều lớn hơn 0.5, chứng tỏ 30 biến thang đo được gom thành 7 yếu tố là phù hợp và sử dụng trong phân tích tiếp theo.

Kết quả phân tích EFA cũng cho thấy có 7 yếu tố được rút trích với giá trị Eigenvalue = 1.447 lớn hơn 1 và tổng phương sai trích là 77.400%, nghĩa là 7 yếu tố này giải thích được 77.400% sự biến động của dữ liệu.

**Bảng 3: Kết quả xoay ma trận nhân tố**

| Yếu tố                           | Thang đo | Hệ số tương quan biến tổng | Hệ số Cronbach's Alpha |
|----------------------------------|----------|----------------------------|------------------------|
| Thái độ đối với hành vi (TD)     | TD1      | 0.815                      | 0.898                  |
|                                  | TD2      | 0.684                      |                        |
|                                  | TD3      | 0.776                      |                        |
|                                  | TD4      | 0.824                      |                        |
| Quy chuẩn chủ quan (QC)          | QC1      | 0.823                      | 0.908                  |
|                                  | QC2      | 0.724                      |                        |
|                                  | QC3      | 0.837                      |                        |
|                                  | QC4      | 0.791                      |                        |
| Giáo dục khởi nghiệp (GD)        | GD1      | 0.700                      | 0.889                  |
|                                  | GD2      | 0.705                      |                        |
|                                  | GD3      | 0.800                      |                        |
|                                  | GD4      | 0.825                      |                        |
| Kinh nghiệm (KN)                 | KN1      | 0.874                      | 0.884                  |
|                                  | KN2      | 0.854                      |                        |
|                                  | KN3      | 0.823                      |                        |
|                                  | KN4      | 0.515                      |                        |
| Nhận thức kiểm soát hành vi (NT) | KN5      | 0.571                      | 0.952                  |
|                                  | NT1      | 0.918                      |                        |
|                                  | NT2      | 0.856                      |                        |
|                                  | NT3      | 0.862                      |                        |
| Đặc điểm tính cách (TC)          | NT4      | 0.897                      | 0.898                  |
|                                  | TC1      | 0.804                      |                        |
|                                  | TC2      | 0.773                      |                        |
|                                  | TC3      | 0.699                      |                        |
| Nguồn vốn (NV)                   | TC4      | 0.705                      | 0.899                  |
|                                  | TC5      | 0.760                      |                        |
|                                  | NV1      | 0.767                      |                        |
|                                  | NV2      | 0.832                      |                        |
|                                  | NV3      | 0.700                      |                        |
|                                  | NV4      | 0.803                      |                        |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

##### - Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc:

**Bảng 4: Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's cho biến phụ thuộc**

|                   | Hệ số KMO |         |
|-------------------|-----------|---------|
| Kiểm định         | 0.685     |         |
| Chi số Chi-Square |           | 891.285 |
| Bartlett's của df |           | 3       |
| Sphericity Sig.   |           | 0.000   |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Kết quả bảng 4 cho thấy Sig. đạt 0.000 < 5%, chứng tỏ tồn tại mối quan hệ giữa các biến trong tổng thể. Hệ số KMO đạt 0.685 > 0.5 cho thấy phân tích EFA cho biến phụ thuộc là phù hợp. Các biến thang đo đều có Factor Loading > 0.5, Eigenvalues > 1 và tổng phương sai trích đạt 84.083% > 50%, chứng tỏ 84.083% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 1 nhân tố, điều này là phù hợp.

**Bảng 5: Kết quả xoay ma trận nhân tố biến phụ thuộc**

| Thành phần (Component) |       |
|------------------------|-------|
| 1                      |       |
| YD1                    | 0.953 |

|     |       |
|-----|-------|
| YD3 | 0.951 |
| YD2 | 0.843 |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả).

#### 4.4 Kết quả phân tích hồi quy và kiểm định

Nhóm nghiên cứu sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính đa biến để khám phá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc YD và 7 biến độc lập TD, QC, GD, KN, NT, TC, NV.

Kết quả hồi quy ban đầu ở bảng 6 cho thấy, tất cả các hệ số hồi quy theo các biến độc lập đều dương và có hệ số Sig. nhỏ hơn 5%, điều này nói lên YD chịu tác động tích cực từ 7 biến độc lập và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%.

Phương trình trên cho thấy 7 biến độc lập đều tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh thiếu niên trên

nền tảng thương mại điện tử tại tỉnh Đồng Nai sắp xếp theo thứ tự giảm dần: TD (Thái độ đối với hành vi), GD (Giáo dục khởi nghiệp), QC (Quy chuẩn chủ quan), TC (Đặc điểm tính cách), NV (Nguồn vốn), NT (Nhận thức kiểm soát hành vi), KN (Kinh nghiệm).

#### \* Kết quả kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến:

Bảng 6, cũng cho thấy các hệ số VIF đều có giá trị nhỏ và nhỏ hơn 2. Điều này mô hình hồi quy xây dựng được không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

**Bảng 6: Kết quả hồi quy**

| Model      | Hệ số chưa chuẩn hóa |              | Hệ số chuẩn hóa |       | t      | Sig.  | Đa cộng tuyến |           |
|------------|----------------------|--------------|-----------------|-------|--------|-------|---------------|-----------|
|            | B                    | Sai số chuẩn | Beta            |       |        |       | Độ dung sai   | Hệ số VIF |
| (Constant) | -2.381               | 0.249        |                 |       | -9.574 | 0.000 |               |           |
| 1          |                      |              |                 |       |        |       |               |           |
| TD         | 0.396                | 0.047        | 0.334           | 8.341 | 0.000  |       | 0.599         | 1.670     |
| QC         | 0.271                | 0.045        | 0.201           | 5.991 | 0.000  |       | 0.852         | 1.174     |
| GD         | 0.277                | 0.047        | 0.210           | 5.880 | 0.000  |       | 0.755         | 1.324     |
| KN         | 0.105                | 0.043        | 0.083           | 2.455 | 0.015  |       | 0.843         | 1.186     |
| NT         | 0.196                | 0.048        | 0.138           | 4.079 | 0.000  |       | 0.846         | 1.183     |
| TC         | 0.207                | 0.054        | 0.148           | 3.813 | 0.000  |       | 0.635         | 1.575     |
| NV         | 0.203                | 0.042        | 0.161           | 4.824 | 0.000  |       | 0.865         | 1.156     |

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

#### \* Kết quả kiểm định hiện tượng tự tương quan:

**Bảng 7: Kết quả tóm lược của mô hình (Model Summary<sup>b</sup>)**

| Model | R                  | R <sup>2</sup> | R <sup>2</sup> hiệu chỉnh | Sai số chuẩn | Hệ số Durbin-Watson |
|-------|--------------------|----------------|---------------------------|--------------|---------------------|
| 1     | 0.821 <sup>a</sup> | 0.674          | 0.667                     | 0.57239      | 1.949               |

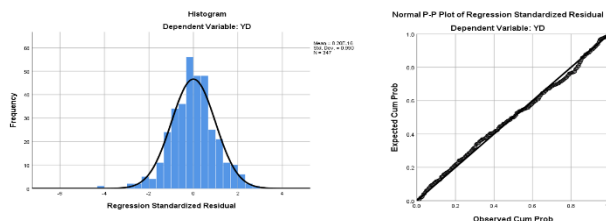
(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Bảng 7, cho ta thấy hệ số Durbin-Watson nằm trong khoảng giá trị từ 1 đến 3, chứng tỏ mô hình hồi quy không xảy ra hiện tượng tự tương quan.

#### \* Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình:

Bảng 7, cũng cho ta thấy chỉ số R<sup>2</sup> hiệu chỉnh là 0.667, nghĩa là 66.7% sự thay đổi của ý định khởi nghiệp chịu sự tác động của TD (Thái độ đối với hành vi), GD (Giáo dục khởi nghiệp), QC (Quy chuẩn chủ quan), TC (Đặc điểm tính cách), NV (Nguồn vốn), NT (Nhận thức kiểm soát hành vi), KN (Kinh nghiệm).

**Hình 3: Biểu đồ Histogram và Normal P-P Plot phần dư**



Nghiên cứu thông qua biểu đồ Histogram và biểu đồ Normal P-P Plot để đánh giá phân phối chuẩn của phần dư trong nghiên cứu. Kết quả từ biểu đồ Histogram cho thấy giá trị trung bình gần bằng 0, độ lệch chuẩn xấp xỉ 1 và đường cong phân phối có hình dạng giống một đường cong chuông, đều cho thấy phân phối gần với phân phối chuẩn.

Hơn nữa, từ biểu đồ Normal P-P Plot, các điểm phân vị phân bố gần với đường thẳng, cho thấy phần dư có phân phối gần với phân phối chuẩn.

Dựa vào những kết quả này, chúng ta có thể kết luận rằng kết quả của mô hình hồi quy trong nghiên cứu này là đáng tin cậy, vì phần dư có phân phối gần với phân phối chuẩn và phù hợp với giả định của mô hình.

## 5. Kết luận

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Từ kết quả hồi quy, cũng như kết quả thống kê mô tả các đặc trưng biến thang các yếu tố, nhà quản trị có thể nâng cao ý định khởi nghiệp thanh thiếu niên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua các giải pháp sau: (1) Tăng cường giáo dục và nhận thức khởi nghiệp: Các cơ quan chức năng và tổ chức giáo dục nên phát triển các chương trình giảng dạy về khởi nghiệp, từ lý thuyết đến thực hành, giúp thanh thiếu niên có kiến thức vững chắc và động lực khởi nghiệp; Cung cấp các khóa học, hội thảo, và chương trình đào tạo thực tế về khởi nghiệp, giúp thanh thiếu niên nắm bắt và áp dụng các kiến thức vào thực tế; (2) Tạo môi trường và văn hóa khởi nghiệp: Khuyến khích và tôn vinh những gương mặt trẻ thành công trong khởi nghiệp, tạo nên một môi trường tích cực và cảm hứng cho các thanh thiếu niên khác; Chính quyền địa phương cần có các chính sách hỗ trợ như miễn giảm thuế, hỗ trợ thủ

tục hành chính, và cung cấp không gian làm việc chung để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp. (3) Hỗ trợ về tài chính: Thành lập các quỹ đầu tư khởi nghiệp, cung cấp vốn ban đầu và hỗ trợ tài chính cho các dự án khởi nghiệp tiềm năng; Tạo điều kiện cho thanh thiếu niên tiếp cận các khoản vay với lãi suất ưu đãi để khởi nghiệp; (4) Phát triển kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn: Khuyến khích các doanh nghiệp địa phương tạo cơ hội thực tập và cộng tác cho thanh thiếu niên, giúp họ tích lũy kinh nghiệm và phát triển kỹ năng thực tế; Mạng lưới kết nối: Tạo dựng mạng lưới kết nối giữa các doanh nghiệp khởi nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực, giúp thanh thiếu niên có cơ hội học hỏi và nhận được sự hỗ trợ từ những người đi trước. (5) Thúc đẩy đặc điểm tính cách và phát triển cá nhân: Tổ chức các khóa học và hoạt động phát triển kỹ năng mềm như lãnh đạo, giao tiếp, quản lý thời gian, và giải quyết vấn đề, giúp thanh thiếu niên tự tin và sẵn sàng hơn khi khởi nghiệp; Cung cấp các chương trình tư vấn và mentoring từ những doanh nhân thành đạt, giúp thanh thiếu niên phát triển tính cách và khả năng quản lý công việc hiệu quả.

Những hàm ý quản trị trên sẽ giúp tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thanh thiếu niên tại tỉnh Đồng Nai tham gia vào hoạt động khởi nghiệp trên nền tảng thương mại điện tử, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Thị Quỳnh Nga (2023), Thực trạng và các giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp tại Việt Nam, Tạp chí Công thương, Số 1 tháng 1 năm 2023. <https://tapchicongthuong.vn/thuc-trang-va-cac-giai-phap-ho-tro-khoi-nghiep-tai-viet-nam-103441.htm>
- [2] MacMillan, I. C. (1991), "Editor's note: Delineating a forum for entrepreneurship scholars", *Journal of Business Venturing*, 6, pp: 83-87.
- [3] Bird, B. (1988), Implementing Entrepreneurial Ideas: The Case for Intention, *Academy of Management Review*, 13, pp. 442-453.
- [4] Souitaris, V., Zerbinati, S., and Al-Laham, A. (2007), Do entrepreneurship programmes raise entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources, *Journal of Business Venturing*, 22, pp. 566– 591.
- [5] Kuckertz, A., Wagner, M. (2010), The influence of sustainability orientation on entrepreneurial intentions- Investigating the role of business experience, *Journal of Business Venturing*, 25, pp. 524–539.
- [6] Zain, Zahariah Mohd, Amalina Mohd Akram, and Erlane K. Ghani (2010), Entrepreneurship Intention among Malaysian Business Students, *Canadian Social Science* 6(3):34–44.
- [7] Mat, S. C., Maat, S. M., Mohd, N. (2015), Identifying Factors that Affecting the Entrepreneurial Intention among Engineering Technology Students, *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 211, pp. 1016 – 1022.
- [8] Võ Văn Hiền, Lê Hoàng Văn Trang (2021), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang, Tạp chí Khoa học Đại học mở TP Hồ Chí Minh, 16(2), 170 - 192.
- [9] Phạm Đức Hiền, Trần Ngọc Lâm, Nguyễn Thành Thái, Nguyễn Thị Thu Hương (2022), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội, Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, Số 236+237 - Tháng 1 & 2. 2022, trang 116 – 127.
- [10] Vũ Quỳnh Nam, Nguyễn Quang Hợp (2023), Ý định khởi nghiệp của thanh niên vùng Đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi – Nghiên cứu tại tỉnh Hà Giang, Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 311 tháng 5/2023, trang 53 – 64.

- [11] Nguyễn Ngọc Dương (2023), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của thanh niên tại một số làng nghề cùng nông thôn Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và dự báo, Trang 26 – 29.
- [12] Đỗ Thu Hương, Trương Đức Thao, Nguyễn Hữu Quân, Vương Ngọc Linh, Đinh Thị Phương, Lê Hoàng Hải (2023), Mô hình nghiên cứu ý định khởi nghiệp của sinh viên đại học dựa trên nền tảng thương mại điện tử, Tạp chí công thương, Số 12 tháng 5/2023, trang 188 – 193.
- [13] Trần Yến Hào, Nguyễn Hoàng Minh Giang, Nguyễn Kim Yến, Đinh Thị Mộng Hoài (2023), Phân tích các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Tạp chí Công thương, Số 14, Tháng 6/2023, trang 284 – 289.
- [14] Nguyễn Thị Tuyết Anh, Trần Thiện Duy, Mai Toại Tâm, Nguyễn Trung Vinh (2023), Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp trực tiếp của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Công thương, Số 14, tháng 6/2023, trang 320 – 325.
2. Nguyễn Đình Thọ (2011), Giáo trình Phương Pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: Thiết kế và thực hiện, NXB Lao động – Xã hội.